

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG QUYẾT THẮNG**

Số: 685/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết Thắng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026
của phường Quyết Thắng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của UBND phường Quyết Thắng về việc giao dự toán ngân sách phường Quyết Thắng năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị phường Quyết Thắng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách của UBND phường Quyết Thắng 6 tháng năm 2026.

(có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND phường, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nam

Số: 288/TB-UBND

Quyết Thắng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai công khai thu, chi ngân sách phường Quyết Thắng 6 tháng năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

UBND Phường Quyết Thắng thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng năm 2026.

1. Nội dung niêm yết công khai

- Ước thực hiện thu ngân sách phường 6 tháng năm 2026.
- Ước thực hiện chi ngân sách phường 6 tháng năm 2026.

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của phường;

3. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày 10/7/2026 đến hết ngày 10/8/2026.

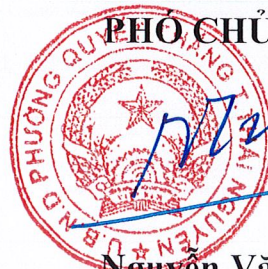
Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về phòng KTHT&ĐT phường Quyết Thắng

Vậy UBND phường Quyết Thắng thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách phường 6 tháng năm 2026 theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Tổ trưởng các TDP phường;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nam

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			6 Tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa	733.942.000.000	136.106.923.470	160.066.842.206	22%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	2.217.000.000	1.544.883.499	4.645.880.864	210%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	7.000.000	584.229	88.089.274	1258%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	57.032.000.000	18.104.436.931	21.205.434.296	37%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	35.767.000.000	9.463.755.358	12.564.752.723	35%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	30.374.000.000	7.354.800.257	10.455.797.622	34%	
	<i>Trđó: Lệ phí trước bạ</i>	29.975.000.000	7.129.316.117	10.230.313.482	34%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	578.545.000.000			0%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.350.000.000	429.510.492	3.530.507.857	262%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.195.000.000	16.747.370.314	19.848.367.679	98%	
-	Thu tiền sử dụng đất	557.000.000.000	80.179.122.586	83.280.119.951	15%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	30.000.000.000	2.282.459.804	4.447.891.940	15%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					



-1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP					
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					





TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước tháng so (%)	
			6 Tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa	733.942.000.000	136.106.923.470	231.923.824.478	32%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	404.675.000.000	118.169.490.905	169.282.082.486	42%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	301.088.000.000	84.820.490.905	127.991.150.406	43%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	301.088.000.000	84.820.490.905	127.991.150.406	43%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.587.000.000	33.349.000.000	41.290.932.080	40%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	33.372.000.000	7.790.000.000	15.731.932.080	47%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	70.215.000.000	25.559.000.000	25.559.000.000	36%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP	404.675.000.000	39.136.520.022	77.853.523.031	19%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	404.675.000.000	39.136.520.022	77.853.523.031	19%	
1	Chi đầu tư phát triển	241.954.000.000	9.251.000.000	16.610.342.120	7%	
2	Chi thường xuyên	154.509.000.000	29.885.520.022	61.243.180.911	40%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	8.212.000.000			0%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			6 Tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển	241.954.000.000	9.251.000.000	16.610.342.120	7%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	241.954.000.000	9.251.000.000	16.610.342.120	7%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	154.509.000.000	29.885.520.022	61.243.180.911	40%	
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi quốc phòng	2.709.000.000	659.118.600	830.523.000	31%	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.537.000.000	288.350.000	815.750.000	53%	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	73.171.000.000	13.679.283.893	27.881.950.404	38%	
4	Chi khoa học và công nghệ	641.000.000				
5	Chi văn hoá thông tin	360.000.000	118.214.800	168.294.800	47%	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	225.000.000	30.120.000	30.120.000		
7	Chi thể dục thể thao	270.000.000	51.739.000	168.087.944	62%	
8	Chi bảo vệ môi trường	2.043.000.000	118.733.653	118.733.653		
9	Chi các hoạt động kinh tế	9.117.000.000	495.925.698	858.498.978	9%	
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.087.000.000	6.886.467.190	14.816.980.558	51%	
11	Chi đảm bảo xã hội	35.349.000.000	7.557.567.188	15.554.241.574	44%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước					
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					